

## **BƯỚC ĐẦU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH**

**Nguyễn Ngọc Khánh<sup>1\*</sup>, Trần An Vinh<sup>2</sup>, Nguyễn Minh Nguyệt<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>Hội Địa lý Việt Nam

<sup>2</sup>Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – VASS

<sup>3</sup>Học viện Báo chí và Tuyên truyền

\* Email: ngoockhanh@hvlv@gmail.com

Ngày nhận bài: 03/01/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 07/03/2022

Ngày chấp nhận đăng: 18/03/2022

### **TÓM TẮT**

Hải Hà là huyện miền núi của tỉnh Quảng Ninh với dân số nông thôn vẫn chiếm đến gần 80% trong cơ cấu dân số năm 2020. Đất đai là nguồn lực sinh kế chủ yếu của cư dân nông thôn Hải Hà. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp năm 2020 chiếm 57,01%, đến năm 2030 dự kiến chiếm khoảng 55,71% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, điều này cho thấy vai trò của nguồn lực đất đai đối với khu vực nông thôn miền núi, là một phần quan trọng tạo nên giá trị sinh tồn của đồng bào các dân tộc huyện Hải Hà. Do đó, đánh giá hiệu quả của đất nông nghiệp để đề xuất hướng sử dụng hiệu quả hơn cho giai đoạn phát triển đến năm 2030 là cần thiết.

**Từ khóa:** đánh giá, hiệu quả, nguồn lực đất đai, sử dụng đất.

### **INITIAL ASSESSMENT OF THE EFFICIENCY OF AGRICULTURAL LAND USE IN HAI HA DISTRICT OF QUANG NINH PROVINCE**

#### **ABSTRACT**

Hai Ha is a mountainous district of Quang Ninh province with a rural population still accounting for nearly 80% of the population in 2020. Land is the livelihood resource of rural people in the district. The area of agricultural land in 2020 accounted for 57.01% of the total natural area of the district, and it is projected to be about 55.71% in 2030, which shows the role of land resources for mountainous rural areas as an important part of creating the survival value of the people in Hai Ha district. Therefore, assessing the efficiency of agricultural land use to propose a more efficient use direction of land for the development period towards 2030 is necessary.

**Keywords:** assessment, efficiency, land resources, land use

#### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hải Hà là một huyện trong 13 đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Ninh với diện tích 511,6 km<sup>2</sup>; dân số là 61.566 người (2019) gồm 01 thị trấn và 10 xã, được thành lập năm

2001; đứng hàng thứ 6 về mặt diện tích trong 13 đơn vị hành chính tỉnh Quảng Ninh và thứ 7 về dân số tự nhiên.

Các dân tộc chính cư trú trên địa bàn huyện là Kinh, Dao, Tày; còn lại là các dân

tộc: Sán Dìu, Sán Chỉ, Nùng, Mường, Thái, Cao Lan, Cùi Chu và người Hoa. Người Kinh sống ở tất cả các xã trên địa bàn huyện, chiếm trên 75% dân số; người Dao sinh sống chủ yếu ở 2 xã: Quảng Sơn và Quảng Đức và một số ở Đường Hoa, Quảng Thịnh, Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Long, Quảng Phong; người Tày sống tập trung ở Quảng Phong 1.237 người, còn lại sinh sống ở Quảng Chính, thị trấn Quảng Hà, Quảng Long, Quảng Minh, Quảng Sơn.



**Hình 1. Vị trí địa lý của huyện Hải Hà**

Các tộc người sinh sống trên địa bàn huyện Hải Hà phần lớn có sinh kế trên đất canh tác nông nghiệp, đất lâm nghiệp và một phần nhỏ trên đất nuôi trồng thủy sản, góp phần quan trọng trong cơ cấu GDP của huyện năm 2020 (10,1%) với tổng giá trị đạt khoảng 449,5 tỷ đồng. Ngoài bộ phận dân cư nông thôn sống ở đồng bằng và khu vực ven biển, còn có một bộ phận quan trọng sinh sống và thực hành sinh kế ở các khu vực đồi núi của huyện.

Bên cạnh những tiến bộ về kinh tế, xã hội nông thôn đã đạt được, vấn đề làm giàu trên đất đang là trở ngại của cư dân nông thôn, cũng là sự lưu tâm của các cấp quản lý, thúc đẩy việc nghiên cứu nguyên nhân và đề xuất các biện pháp làm gia tăng giá trị, hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập từ đất nông nghiệp, giảm đói nghèo tiến tới làm giàu từ nguồn lực đất đai. Giá trị đất đai là khái niệm tổng hợp về tất cả các giá trị sản xuất ra từ nguồn lực đất đai, thường được đánh giá bằng các đơn vị tiền tệ thông qua giá trị các sản phẩm làm ra từ đất (Đào Văn Khiêm & Bùi Thị Thu

Hòa, 2009), bao gồm tất cả các giá trị vật chất và các giá trị phi vật chất.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết, tiếp cận kinh tế sinh thái tài nguyên được sử dụng như một cách tiếp cận chính để đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp thông qua các sản phẩm trên đất trồng trọt, trên đất rừng và một phần đất nuôi trồng thủy sản. Các tiếp cận bổ trợ là tiếp cận tổng hợp – tích hợp và tiếp cận lãnh thổ.

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp tính toán – so sánh hiệu quả sử dụng đất dựa trên kết quả phân tích tổng hợp tư liệu thống kê từ các nguồn tài liệu thứ cấp, được thu thập trên địa bàn huyện Hải Hà hai năm 2019 và 2020 trong khuôn khổ một số đề tài. Trong đó, trọng điểm là đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế biển khu vực ven bờ tỉnh Quảng Ninh và phụ cận”, mã số ĐTĐLXH 01/19 do Trường Đại học Hạ Long chủ trì. Bên cạnh đó, các nguồn tài liệu của các nghiên cứu trên các lãnh thổ tương đồng cũng được sử dụng và xử lý bằng phương pháp đối chứng, so sánh để phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hải Hà.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp huyện Hải Hà theo các loại đất

Ngoài diện tích mặt nước và núi đá không cây, đất huyện Hải Hà theo nguồn gốc phát sinh có hai loại: đất tự thành và đất thủy thành, được thống kê trong Bảng 1. Có thể nhận thấy, diện tích đất vùng đồi núi, nơi tập trung chủ yếu của dân cư nông thôn rộng gấp ba lần diện tích đất vùng đồng bằng ven biển, làm thành một thế mạnh về đất đai trong tổng giá trị tài nguyên thiên nhiên của huyện Hải Hà.

Trong quỹ đất hiện nay của Hải Hà, theo Quyết định số 838/2021/QĐ-UBND và Quyết định số 3788/2015/QĐ-UBND của tỉnh Quảng Ninh, diện tích đất nông nghiệp được thống kê năm 2020 là 40.361,04 ha, chiếm tỷ lệ 64,71% tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện (Bảng 2).

**Bảng 1. Các loại đất huyện Hải Hà**

Loại đất	Diện tích (ha)
<b>Đất có nguồn gốc tự thành vùng đồi núi</b>	<b>33.647,41</b>
Đất nâu tím	2.176,60
Đất vàng đỏ	25.580,00
Đất mùn vàng đỏ trên núi	4.674,47
Đất nhân tác (ruộng bậc thang trên đồi núi)	1.216,34
<b>Đất thủy thành vùng đồng bằng ven biển</b>	<b>6.493,47</b>
Đất cát ven sông, ven biển	2.205,78
Đất mặn	1.762,39
Đất phèn tiềm tàng	11.060,23
Đất phù sa không được bồi	825,55
Đất có tầng sét loang lổ	1.136,08
Đất có tầng sét xám (trồng lúa trên thềm phù sa cổ)	563,67

**Bảng 2. Cơ cấu sử dụng đất huyện Hải Hà năm 2020**

Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên	51.201,11	100,00
Đất nông nghiệp	40.361,04	78,83
Đất phi nông nghiệp	5.570,92	10,88
Đất chưa sử dụng	5.269,15	10,29
Đất khu kinh tế	46.853,39	87,76
Đất đô thị	2.595,94	4,86

Cơ cấu đất nông nghiệp năm 2020 của huyện Hải Hà được trình bày trong Bảng 3.

**Bảng 3. Cơ cấu diện tích đất nông nghiệp huyện Hải Hà năm 2020**

Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên	51.201,11	100,00
Đất canh tác nông nghiệp	6.867,60	15,56
Đất rừng	32.624,18	63,72
Đất nuôi trồng thủy sản	1.446,07	2,82
Đất nông nghiệp khác	11,12	0,02

Báo cáo số 636 ngày 18/12/2020 về tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà năm 2021 và phân tích tương quan hiện trạng sử dụng đất và cơ cấu GDP năm 2020 của huyện Hải Hà cho thấy: trên diện tích gieo trồng là 6.867,6 ha, trong đó, ngoài diện tích trồng cây lương thực có hạt, còn có diện tích các cây lâu năm (2.067,91 ha); cây hàng năm khác 1.211,42 ha); đạt được tổng giá trị sản xuất trên đất gieo trồng khoảng 231,7 tỷ đồng. Ước tính chung giá trị sản xuất trên 01 ha đất gieo trồng đạt khoảng 33,74 triệu đồng. Phân tích vai trò của đất rừng, thống kê về diện tích đất rừng huyện Hải Hà được trình bày trong Bảng 4.

**Bảng 4. Diện tích rừng trên địa bàn huyện Hải Hà năm 2020**

Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)
Tổng diện tích đất rừng	32.624,18
Đất rừng phòng hộ	15.248,81
Đất rừng đặc dụng	---
Đất rừng sản xuất	17.375,37

Trên địa bàn huyện Hải Hà không có diện tích rừng đặc dụng, chủ yếu là diện tích rừng sản xuất. Về chất lượng rừng: rừng nghèo chiếm 341,89 ha; rừng phục hồi chiếm 12.301,91 ha; rừng tre, nứa chiếm 54,70 ha; rừng hỗn giao tre, nứa chiếm 1.604,50 ha; rừng ngập mặn, phèn chiếm 845,00 ha. Có thể thấy vai trò của rừng tự nhiên không cao, vì hầu hết là rừng nghèo và rừng phục hồi. Đánh giá sơ bộ giá trị tài nguyên rừng theo diện tích cho thấy, tổng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 ước tính đạt 59,5 tỷ đồng trên tổng diện tích 32.624,18 ha, ước tính trung bình đạt được 1,82 triệu đồng/ha (chủ yếu là giá trị của gỗ rừng, trong đó ưu thế là gỗ rừng trồng).

Ngoài các vùng đất đồng bằng, đất đồi núi, trong quỹ đất nông nghiệp huyện Hải Hà còn có một phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản ở khu vực ven biển và các khu vực đất ngập nước nội địa (ao, hồ, đầm, thủy vực, ...). Tuy chỉ có diện tích là 1.446,07 ha (năm 2020),

nhưng đất nuôi trồng thủy sản đem lại thế mạnh kinh tế cho huyện Hải Hà với giá trị sản phẩm đạt được là 304,8 triệu đồng/ha. Theo thống kê của huyện Hải Hà, năm 2021, sản lượng nuôi trồng ước tính đạt 8.100 tấn, trên diện tích 1.485 ha. Trong đó, diện tích nuôi mặn, lợ đạt 1.285 ha.

Hình thức nuôi tập trung đang dần trở thành mũi nhọn trong phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Hải Hà. Huyện đã quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, trong đó có các vùng: vùng nuôi tôm (Đường Hoa, Tiến Tới, Quảng Phong, Quảng Minh, Quảng Thắng, Quảng Thành), vùng nuôi nhuyễn thể (Quảng Minh), vùng nuôi sá sùng (Quảng Minh), vùng nuôi lòng bèo (Cái Chiên), vùng nuôi thủy sản nước ngọt (Đường Hoa, Quảng Điền, Quảng Minh, Quảng Thắng, Quảng Thành). Tại các vùng nuôi quy hoạch, bà con theo sự hướng dẫn đang từng bước chủ động về giống, kiểm soát dịch bệnh thủy sản, góp phần tạo điều kiện phát triển nuôi trồng thủy sản.

### 3.2. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Hải Hà theo điều kiện lãnh thổ

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn đồng bằng được trình bày trong Bảng 5.

**Bảng 5. Hiệu quả kinh tế cây trồng trên địa bàn đồng bằng ven biển Hải Hà**

(Đơn vị tính: triệu đồng/ha/năm)

Cây trồng	GTSX	Chi phí	Thu nhập	HQ ĐV
Lúa xuân	33,36	11,368	21,992	1,93
Lúa mùa	30,40	11,554	18,846	1,63
Ngô	55,20	7,386	47,814	6,40
Khoai lang	45,00	18,794	26,206	1,39
Bắp cải đông	40,50	12,654	27,846	2,20
Su hào	36,00	11,745	24,255	2,06
Cà rốt	41,55	10,745	30,805	2,86
Rau cải bẹ xanh	30,00	2,930	27,070	9,20
Xà lách	35,00	10,245	24,755	2,41

(Nguồn: Nguyễn Thị Hoài Anh, 2018)

Như vậy, giá trị sản xuất lúa hai vụ đạt khoảng 63,76 triệu đồng/ha, ngô đạt khoảng 55 triệu đồng/ha, khoai lang khoảng 45 triệu đồng/ha, rau các loại đạt khoảng 30 – 40 triệu đồng/ha. Trong đó, cây ngô có giá trị sản xuất cao nhất (55,2 triệu đồng/ha, hiệu quả đồng vốn lớn gấp 6,4 lần) do gieo trồng giống ngô cao sản, có thị trường tiêu dùng và thích nghi tốt với đất đai. Theo quy định, những cây có hiệu quả đất (HQĐV) < 1 cần phải loại bỏ hoặc có biện pháp cải thiện, huyện mức chỉ đảm bảo đáp ứng đảm bảo an ninh lương thực, để tăng diện tích trồng ngô. So với vùng đất đồng bằng, hiệu quả sử dụng đất cho cùng các loại cây trồng vùng đồi núi có hiệu quả sản xuất thấp hơn (Bảng 6).

**Bảng 6. Hiệu quả kinh tế cây trồng ngắn-dài ngày trên địa bàn đồi núi Hải Hà**

(Đơn vị tính: triệu đồng/ha/năm)

Cây trồng ngắn ngày					
Cây trồng	Giá trị sản xuất	Chi phí	Thu nhập	HQĐV	Công lao động
Lúa	32,00	10.018	21,982	2,19	140
Lạc	28,81	5,370	23,438	4,30	130
Ngô lai	50,60	7,075	43,525	6,15	155
Bắp cải xuân	40,50	11,820	---	2,54	200
Cây trồng dài ngày					
Cây trồng	Chi phí	Giá trị sản xuất	Thu nhập	Suất thu lợi nội tại IRR	Tỷ số lợi ích chi phí BCR
Chè độc canh	23,655	94,00	70,32	0,1	3,57
Cam độc canh	27,324	55,75	28,42	0,2	3,08
Keo độc canh	13,850	35,60	21,75	0,1	2,15

(Nguồn: Nguyễn Thị Hoài Anh, 2018)

Có thể nhận thấy, cùng một loại hình sử dụng đất nhưng ở các vùng sinh thái khác nhau thì hiệu quả kinh tế khác nhau. Ví dụ: cùng là đất lúa, nhưng vùng đồng bằng ven biển có giá trị sản xuất là 63,76 triệu đồng/ha, trong khi trên địa bàn đồi núi chỉ đem lại giá

trị sản xuất bằng một nửa là 32,00 triệu đồng/ha; cùng trồng bắp cải thì có giá trị sản xuất tương đồng trên cả hai vùng sinh thái; còn cây trồng dài ngày trên đất đồi núi cho hiệu quả khá cao và ổn định. Đặc điểm này cho thấy cần thiết phải đưa cây trồng thích ứng với điều kiện sinh thái thì mới đem lại hiệu quả kinh tế trên đất trồng.

### 3.3. Kinh nghiệm sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hải Hà và trên các địa bàn tương tự ở các tỉnh khác

Trên diện tích đất trồng trọt, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phù hợp điều kiện sinh thái, giá trị mang lại trên mỗi ha canh tác đất trồng trọt của Hải Hà ở một số nơi đã đạt tới hàng trăm triệu đồng. Năm 2020 đã có 30 sản phẩm OCOP chủ lực của huyện Hải Hà với 09 sản phẩm được xếp hạng từ 1-3 sao theo tiêu chí xếp hạng được Ban Chỉ đạo OCOP tỉnh Quảng Ninh thẩm định và phê duyệt. Trong lĩnh vực trồng trọt đã xuất hiện hàng loạt các tổ hợp sản xuất mang lại hiệu quả cao như Hợp tác xã rau an toàn Quảng Minh bao tiêu đầu ra đối với sản phẩm rau, củ của người dân xã Quảng Minh, thị trấn Quảng Hà (sản lượng hơn 2.000 tấn/năm); Hợp tác xã rau an toàn Trung Thái, Hợp tác xã Tiến Phương Nam liên kết các hộ dân trồng rau an toàn tại xã Quảng Chính cung cấp rau sạch cho Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà; tổ hợp tác sản xuất lúa gạo chất lượng cao xã Đường Hoa liên kết tiêu thụ vào các siêu thị đối với mặt hàng gạo; liên kết sản xuất và bao tiêu cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho Công ty TNHH Phú Lâm...

Cùng với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các biện pháp kỹ thuật tiên tiến được áp dụng cũng đã đem lại hiệu quả sử dụng đất trồng như đối với ngành hàng rau, Hợp tác xã dịch vụ thương mại rau an toàn Trung Thái, huyện Hải Hà đã đầu tư tổ hợp khung giàn kết hợp với phần màng mỏng tạo ra môi trường khép kín, lắp đặt hệ thống phun tự động giúp cung cấp đủ nước cho từng loại rau khác nhau đã đưa giá trị sản xuất từ 80-100 triệu đồng lên trên 150 triệu đồng/ha.

Song song với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, việc tích tụ đất hình thành cánh đồng lớn để sản xuất sản phẩm hàng hóa cũng đem lại hiệu quả sử dụng đất như việc quy hoạch, triển khai các vùng sản xuất tập trung gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản ở 07 mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở chế biến với các hộ trong sản xuất, tiêu thụ chế tươi tại xã Quảng Long, Quảng Thịnh, Quảng Thành, Quảng Chính với sản lượng tiêu thụ hàng năm hơn 6.000 tấn, đem lại hiệu quả gia tăng giá trị sử dụng trên đất nông nghiệp.

Đối với đất lâm nghiệp trên vùng đồi núi có độ dốc và chất lượng không cao nếu khai thác hợp lý cũng đảm bảo những giá trị không nhỏ. Tổng diện tích đất rừng huyện Hải Hà năm 2020 là 32.624,18 ha, năm 2030 được quy hoạch là 30.416,97 ha. Hải Hà không có diện tích rừng đặc dụng, chỉ có rừng phòng hộ là 15.248,81 ha năm 2020 và 14.955,41 ha quy hoạch cho đến năm 2030, trong đó có định hướng quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu gỗ (Đường Hoa, Quảng Sơn, Quảng Đức, Quảng Phong, Quảng Thành) và vùng trồng cây lâm sản ngoài gỗ (Quảng Thịnh, Quảng Sơn, Quảng Đức). Như vậy, với giá trị đất rừng không thay đổi theo ước tính trung bình đạt được 1,82 triệu đồng/ha như giá trị đạt được năm 2020, tổng giá trị ngành lâm nghiệp năm 2030 sẽ là khoảng 53,36 tỷ đồng. Giá trị vật chất đạt được chủ yếu từ các sản phẩm chế biến nhựa thông, chế biến gỗ và là kết quả của việc chuyển dịch từng bước kinh doanh gỗ nhỏ sang trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, phát triển rừng trồng sản xuất chủ yếu theo hướng thâm canh, coi trọng năng suất và chất lượng.

Tuy vậy, giá trị của rừng ngoài các giá trị lâm sản còn có giá trị nhiều mặt, bao gồm các giá trị vật chất (giá trị lâm sản) và các giá trị phi vật chất (giá trị môi trường rừng). Áp dụng kết quả nghiên cứu giá trị rừng của Nguyễn Ngọc Khánh và Nguyễn Hồng Anh (2016), với giá trị gia tăng tổng cộng của mỗi ha loại rừng thứ sinh nghèo như ở Hải Hà là khoảng 896 triệu đồng/ha, thì với 15.248,81

ha rừng phòng hộ sẽ có tổng giá trị tài sản rừng (gồm cả giá trị lâm sản và giá trị môi trường rừng) khoảng 13,66 nghìn tỷ đồng, cao hơn nhiều lần (gần 491 lần) giá trị tài sản lâm sản thuần túy theo giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (27,75 tỷ đồng/15.248,81 ha rừng phòng hộ) vào năm 2020.

Ngoài việc gia tăng diện tích rừng, có thể thúc đẩy phương thức làm gia tăng giá trị đất dốc vùng đồi núi bằng cách đa dạng hóa phát triển vườn rừng, đồi rừng hay các mô hình kinh tế sinh thái cây dài ngày. Ví dụ: với sự theo sát, chỉ đạo của các cấp chính quyền, các ngành cùng thúc đẩy hiệu quả sử dụng đất như việc thực hiện tiêu chí số 20 của tỉnh Quảng Ninh về triển khai xây dựng vườn mẫu, từ kinh nghiệm tại tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện khu dân cư kiểu mẫu, vườn kiểu mẫu, huyện Hải Hà đã chỉ đạo triển khai mô hình vườn kiểu mẫu gắn với các sản phẩm OCOP của địa phương như các mô hình vườn mẫu trồng rau sạch tại xã Quảng Minh, trồng cây có múi tại xã Quảng Thành, chăn nuôi gà râu, vịt trời tại xã Quảng Chính, nuôi ong lấy mật tại xã Quảng Điền, trồng chè tại xã Quảng Long, Quảng Thành..., cho thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, việc đầu tư tốt về giống cây và kỹ thuật chăm sóc trong các mô hình tích tụ đất cho mục tiêu phát triển cây ăn quả có múi tại huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa), cho thu nhập 500 triệu đồng/ha, lợi nhuận 350 triệu đồng/ha cũng có thể áp dụng cho đất đai đồi núi Hải Hà.

Bên cạnh đó, một hướng sử dụng hiệu quả đất đai đồi núi Hải Hà là hướng phát triển cây dược liệu. Cây dược liệu là một thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh, được đánh giá là đa dạng và phong phú, với gần một nghìn loài cây dược liệu, trong đó có nhiều loại quý, như: hồi, quế, bình vôi, lược vàng, ba kích, tam thất, câu tích, bồ cốt toái, hoàng đằng, đẳng sâm, thổ phục linh, nấm linh chi... Ngoài ra, trên địa bàn còn phát hiện hàng chục loại cây dược liệu chưa được ghi chép trong các sách về cây thuốc.

Cùng với phát triển dược liệu theo chuỗi giá trị, tỉnh Quảng Ninh chú trọng công tác bảo tồn các nguồn gen dược liệu quý, trong đó có các dự án trồng cây dược liệu như “Dự án trồng cây dược liệu tại xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà” trong quyết định số 820/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ký duyệt ngày 03/03/2019 với mục tiêu trồng, thu hoạch, sơ chế, chế biến cây dược liệu để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu với cây chủ yếu là ba kích, xen canh với một số loài dược liệu khác như kim tiền thảo, ích mẫu, gấc, trà hoa vàng... theo tiêu chuẩn GACP (Good Agricultural and Collection Practices) với nguồn nguyên liệu cả trong khu vực dự án và lân cận ở quy mô 13,39 ha diện tích vùng trồng. Đây là một hướng đi hiệu quả về kinh tế cho đất đồi núi Hải Hà có thể áp dụng mô hình trồng cây dược liệu ở huyện Triệu Sơn (Thanh Hóa) cho thu nhập 400 triệu/ha/năm.

Trên địa bàn ven biển, ngoài giá trị nuôi trồng thủy sản, đất ngập ven biển còn có thể phát huy giá trị môi trường rừng. Hải Hà còn có diện tích rừng ngập mặn với trên 1.535 ha, trong đó có hơn 1.344 ha rừng ngập mặn tự nhiên và 190 ha rừng trồng ngập mặn, tập trung tại các xã: Quảng Phong (850,77 ha), Đường Hoa (183,44 ha), Quảng Điền (103,59 ha), Quảng Minh (186,53 ha); Quảng Thắng (121,16 ha), Tiến Tới (51,26 ha) và Quảng Thành (38,36 ha). Theo kết quả ước tính, tổng giá trị kinh tế của một ha rừng ngập mặn tại Rú Chá (Thừa Thiên Huế) là khoảng 213,2 triệu đồng (Trần Thị Tú & Trần Quang Hiếu, 2015); còn tại ven biển địa bàn xã Nam Hưng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình là khoảng 212,533 triệu đồng (Nguyễn Thị Hoài Hương & Hoàng Thị Huệ, 2018), còn ước tính tổng giá trị kinh tế sinh thái tổng hợp của rừng ngập mặn tự nhiên ven biển huyện Hải Hà sẽ là khoảng 284,41 tỷ đồng, cộng với 190 ha diện tích rừng trồng ngập mặn đến khi khép tán sẽ tăng thêm từ khoảng 40,5 tỷ đồng là khoảng 288,91 tỷ đồng tổng giá trị toàn bộ diện tích rừng ngập mặn huyện Hải Hà.

### 3.4. Những vấn đề đặt ra và thảo luận

Trong xu thế chuyển đổi cơ cấu từ trên 80% trong tổng GDP toàn huyện xuống còn chiếm 8,2%, thì việc thúc đẩy gia tăng giá trị sử dụng đất là rất cần thiết. Từ hiệu quả sử dụng đất trên 01 ha đất canh tác, hiệu quả giá trị đạt được trên đất gieo trồng là 33,74 triệu đồng/ha; hiệu quả giá trị đạt được trên đất rừng là 1,82 triệu đồng/ha và hiệu quả giá trị đạt được trên đất nuôi trồng thủy sản là 304,80 triệu đồng/ha.

Có thể xác định hướng đi cho giá trị sản phẩm trên đất canh tác nông nghiệp đạt trên 150 triệu đồng/ha hoặc cao hơn, cho thấy vai trò của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái. Việc tiến hành tích tụ ruộng đất để tập trung sản phẩm hàng hóa và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ với các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là cần thiết. Do đó, vấn đề quy hoạch hợp lý các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa là hết sức cần thiết và phải làm ngay.

Hiệu quả giá trị sản xuất trên đất nuôi trồng thủy sản được đánh giá là cao nhất là ở khu vực ven biển và thấp nhất là trên đất rừng, nghĩa là có sự phân hóa thu nhập từ khu vực ven biển (cao nhất) đến đồng bằng và đồi núi (thấp nhất), tạo nên mức chênh lệch thu nhập vật chất trên đất đồng bằng ven biển cao hơn đất đồi núi và càng ra phía biển, hiệu quả giá trị sản xuất của sản phẩm làm ra từ đất càng cao. Tuy vậy, nếu xem xét về hiệu quả môi trường (hiệu quả phi vật chất) thì giá trị phi vật chất của đất rừng, trong đó có cả rừng ngập mặn ven biển sẽ cao hơn nhiều (Nguyễn Văn Dũng, 2018). Có thể trao đổi – thảo luận về tính công bằng trong vai trò môi trường ở một số vấn đề như sau:

*Một là*, làm thế nào để đưa tất cả các giá trị của đất đai vào đánh giá hiệu quả kinh tế như một phần quan trọng của kinh tế tài nguyên đất (TEVL – Total Economic Value of Lands), trong đó, phần giá trị phi vật chất có tỷ lệ rất cao, trong nhiều trường hợp chiếm

đến  $\geq 50\%$  tổng giá trị sản phẩm có được trên đất? Làm được điều này sẽ tăng được thu nhập của những người dân gắn bó với núi, với rừng, với đất dốc và góp phần quan trọng đảm bảo an ninh môi trường.

*Hai là*, cần xây dựng một cơ chế hoàn trả giá trị vật chất cho những đóng góp vô hình về an ninh môi trường từ những người hưởng lợi ở địa bàn đồng bằng, ven biển cho đồng bào sinh sống và thực hành sinh kế trên đất đồi núi như một phần hoàn trả giá trị gia tăng có được từ việc hạn chế lũ lụt, hạn hán, rủi ro thiên tai do giữ được rừng, giảm được xói mòn trên đất dốc..., làm thành cơ chế cân bằng về giá trị đạt được trên đất nông nghiệp cũng như các loại sử dụng đất khác về mặt môi sinh và môi trường.

*Ba là*, cần thiết thúc đẩy và đầu tư cho việc tích tụ đất đai cả trên vùng đất dốc và vùng đất bằng theo hướng sản xuất cây trồng hàng hóa phù hợp với điều kiện sinh thái để mang lại giá trị kinh tế cao nhất thông qua chuyển đổi đất trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng với sản phẩm có giá trị/thương hiệu địa phương (trở thành đặc sản có thương hiệu trên thị trường). Vấn đề này liên quan đến cấp phạm trù nhận thức – hành động, trong đó, có nhận thức đúng nhưng không hành động thì là nói suông, mà chỉ hành động mà thiếu nhận thức thì sẽ là việc làm vô ích. Ngoài ra, cũng cần một môi trường pháp lý đủ rộng và sâu như chi trả dịch vụ môi trường rừng là một ví dụ. Song cũng không nên chỉ chờ môi trường pháp lý ở phạm vi vĩ mô, mà trong phạm vi vi mô cũng có thể được điều phối bằng các quyết định tạm thời, ngắn hạn, mang tính nội bộ trong những trường hợp cụ thể đã được phân quyền.

*Bốn là*, để khởi động các định hướng làm gia tăng giá trị sản xuất trên đất nông nghiệp trong phạm vi cấp huyện, rất cần những nghiên cứu sâu, cụ thể, nhiều chiều về giá trị liên kết, ví dụ như việc gia tăng phần du lịch sinh thái nông thôn hay du lịch canh nông, du lịch làng quê; phát triển du lịch chữa bệnh trên nguồn dược liệu được sản xuất và chế

biến trong tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa làm ra từ đất nông nghiệp huyện Hải Hà...để có thể vừa quảng bá được thương hiệu cho sản phẩm, vừa tăng thêm các giá trị sản phẩm phụ trợ từ đất, từ rừng, từ cây trồng, vật nuôi trên đất. Đây cũng là việc làm của các cơ quan nghiên cứu đào tạo tầm địa phương như các trường đại học trong tỉnh Quảng Ninh.

#### **4. KẾT LUẬN**

Với dân số nông thôn là khoảng 49,0 nghìn người, chiếm đến gần 80% dân số toàn huyện là 61,3 nghìn người năm 2020, trong bối cảnh giảm tỷ lệ đóng góp từ nông nghiệp và nông thôn đến năm 2030, cần thúc đẩy quá trình chuyển đổi giá trị sản xuất trên đất nông nghiệp hiện nay theo hướng gia tăng giá trị nhiều mặt để đảm bảo cuộc sống ngày càng đi lên cho bà con nông dân, nhất là các cộng đồng dân tộc ít người trên vùng đất dốc đồi núi dựa trên kết quả nghiên cứu trên đây. Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu. Những bước nghiên cứu sâu hơn sẽ là công việc của cộng đồng các nhà khoa học, các nhà quản lý, cùng đồng hành với bà con nông dân triển khai với mục tiêu đưa nông nghiệp và nông thôn huyện Hải Hà nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung đạt được những giá trị cao hơn nữa trên các diện tích đất nông nghiệp.

#### **LỜI CẢM ƠN**

Bài báo được hoàn thành với sự tài trợ của Đề tài cấp nhà nước mã số ĐLĐLXH 01/19 do Trường Đại học Hạ Long chủ trì.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Đào Văn Khiêm & Bùi Thị Thu Hòa. (2009). Tính toán giá trị kinh tế của đất đai tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường*, Số 25, 50-55.

Nguyễn Ngọc Khánh & Nguyễn Hồng Anh (2016). Bước đầu xác định cơ sở triển khai dịch vụ môi trường rừng cho sinh kế bền vững ở miền núi. *Tạp chí Khoa học Xã hội Miền Trung*, Số 6, 59-68

Nguyễn Thị Hoài Anh. (2018). *Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Nguyễn Thị Hoài Hương & Hoàng Thị Huệ (2018). *Lượng giá một số giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Nam Hùng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình*. Truy cập ngày 02/11/2018 từ: tapchimoitruong.vn.

Nguyễn Văn Dũng. (2018). Giá trị của hệ sinh thái rừng ngập mặn trong việc bảo vệ vùng ven biển Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Quảng Nam*, Số 6, 22-32.

Trần Thị Tú & Trần Quang Hiếu. (2015). Định giá giá trị kinh tế môi trường của rừng ngập mặn Rú Chá, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Tập 111, Số 12, 189-200.

Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hà. (2020). *Báo cáo số 636/BC-UBND huyện Hải Hà ngày 18/12/2020 về Tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội huyện Hải Hà năm 2020 và Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội huyện Hải Hà năm 2021*.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2015). *Quyết định số 3788/2015/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 27/11/2015 về việc Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2019). *Quyết định số 820/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 3/4/2019 về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án trồng cây được liệt kê tại xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh*.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2021). *Quyết định số 838/2021/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 19/3/2021 về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hải Hà*.